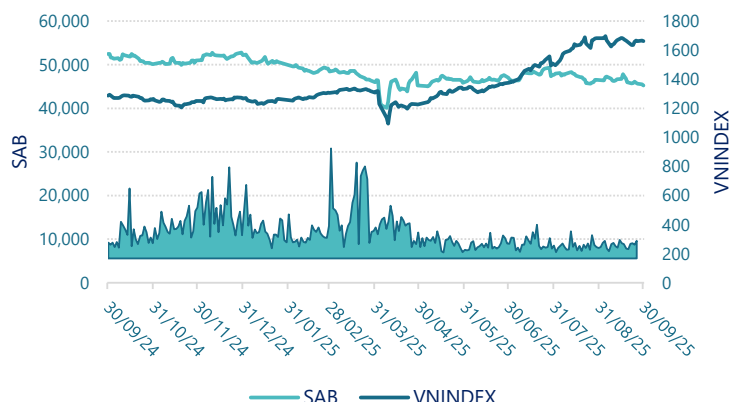




Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (HSX: SAB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	45,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,774
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,074
SL cổ phiếu LH	1,282,562,372
KLGD BQ 20 phiên (CP)	980,950
% sở hữu nước ngoài	58.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57,972
P/E	13.4
EPS	3,373

DT thuần

Q3/25

6,437

tỷ VNĐ

QoQ: ▼367 | -5.4%

YoY: ▼1,233 | -16.1%

LN sau thuế

Q3/25

1,404

tỷ VNĐ

QoQ: ▲153 | 12.2%

YoY: ▲243 | 20.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

26.5%

+/- YoY: ▲7.2%

DT thuần

9T 2025

19,052

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,888 | -16.9%

LN sau thuế

9T 2025

3,454

tỷ VNĐ

YoY: ▼50.0 | -1.4%

ROE

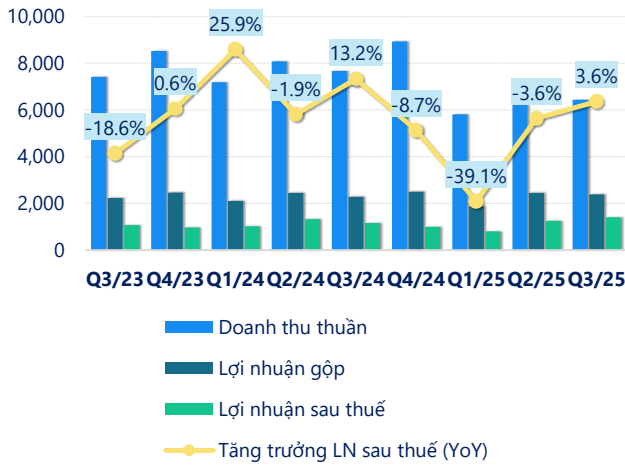
Q3/25

17.1%

+/- YoY: ▲0.7%

tỷ VNĐ

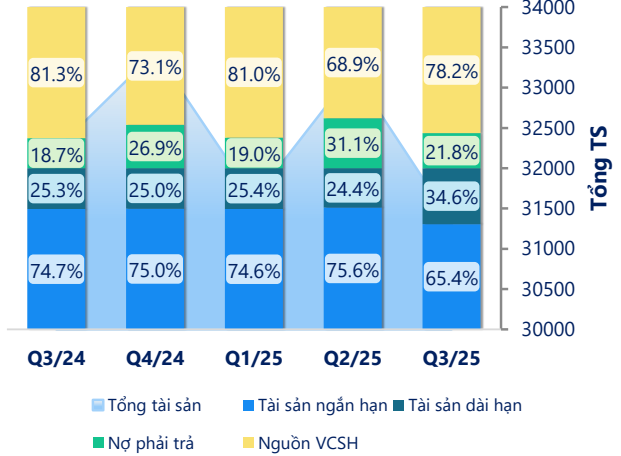
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

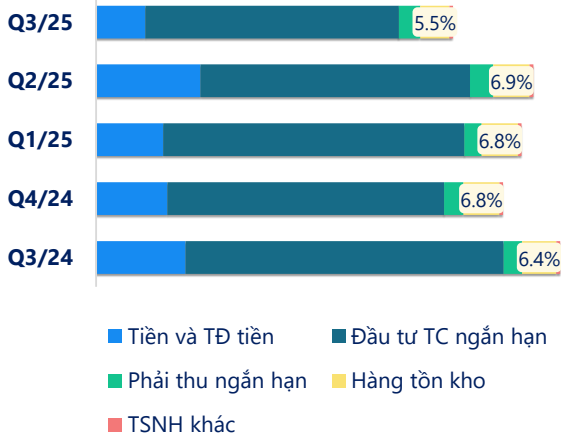
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



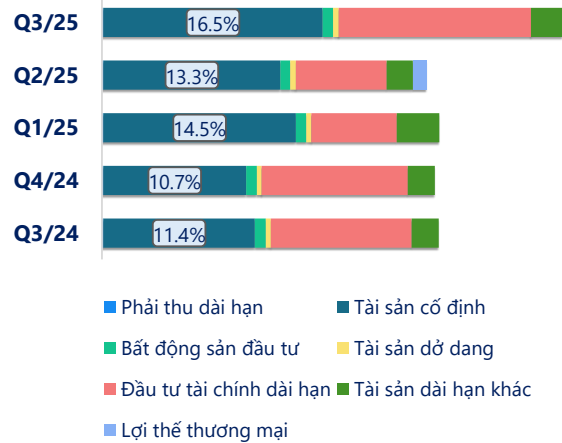
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

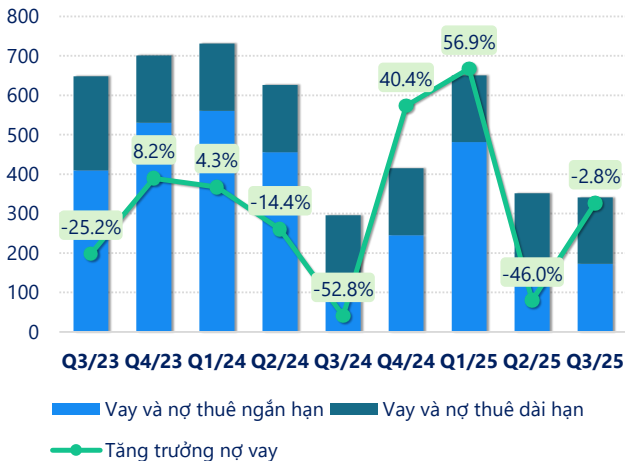
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

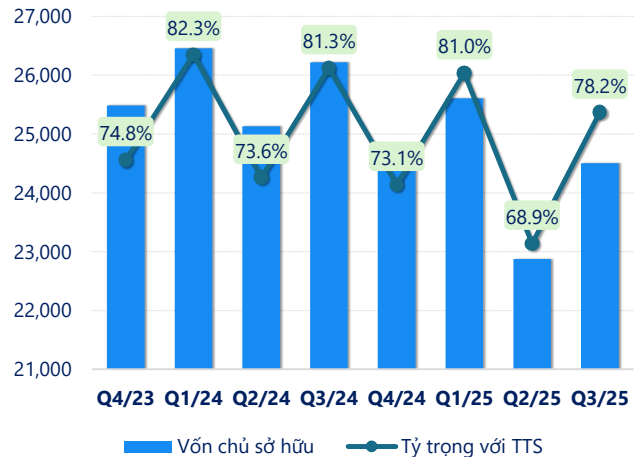
Nợ vay



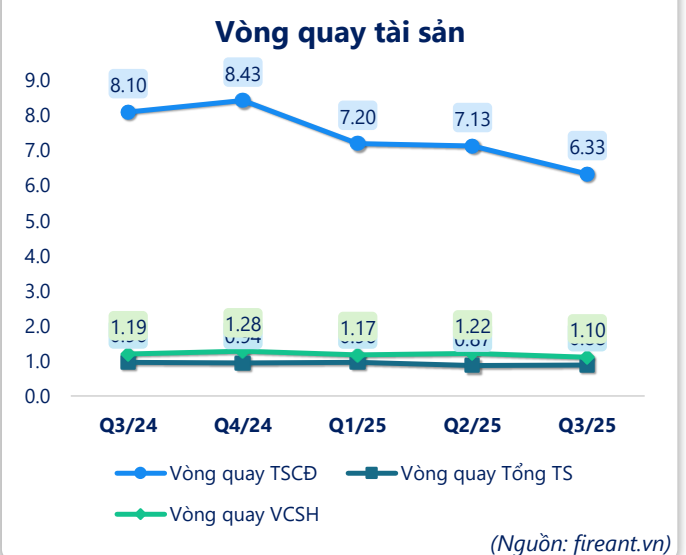
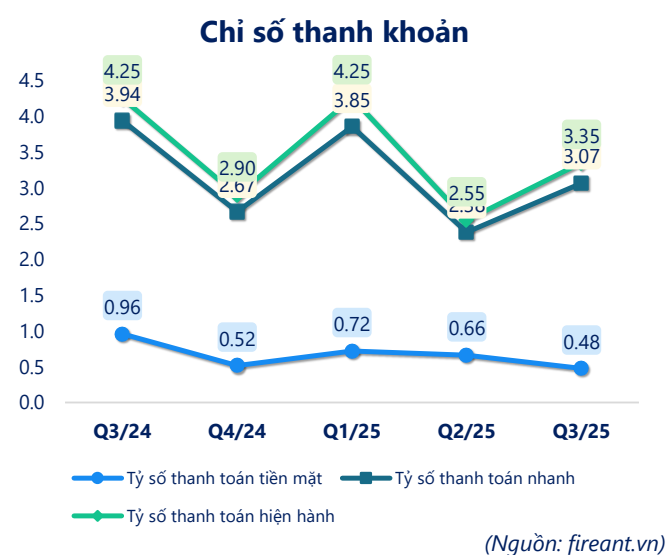
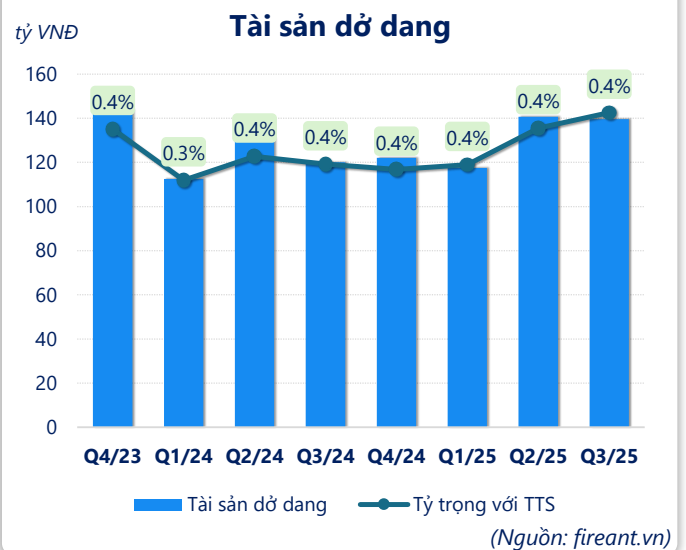
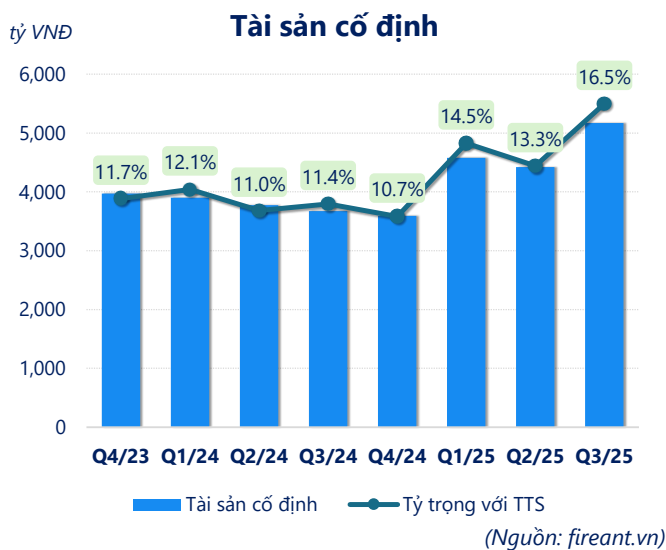
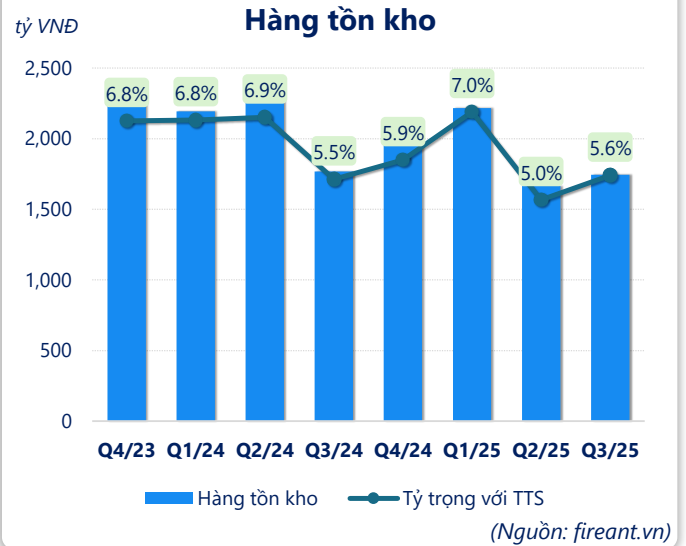
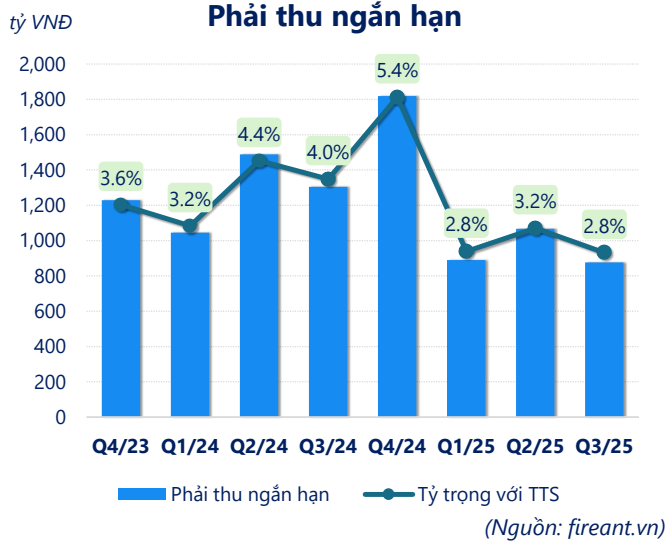
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	32,234	33,439	31,619	33,197	31,335
Tài sản ngắn hạn	24,071	25,067	23,596	25,103	20,479
Tiền và tương đương tiền	5,428	4,478	3,998	6,503	2,910
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15,361	16,566	16,264	15,682	14,772
Phải thu ngắn hạn	1,305	1,818	890	1,066	875
Hàng tồn kho	1,767	1,979	2,216	1,664	1,744
Tài sản ngắn hạn khác	210	226	228	187	177
Tài sản dài hạn	8,163	8,373	8,023	8,094	10,855
Phải thu dài hạn	34.9	34.0	34.3	34.2	33.4
Tài sản cố định	3,671	3,593	4,577	4,421	5,168
Bất động sản đầu tư	271	268	249	246	243
Tài sản dở dang	120	122	118	141	140
Đầu tư tài chính dài hạn	3,411	3,673	2,032	2,266	4,529
Tài sản dài hạn khác	656	683	1,013	653	742
Lợi thế thương mại	0	0	0	333	0
Nợ phải trả	6,012	9,002	6,013	10,322	6,832
Nợ ngắn hạn	5,662	8,657	5,547	9,852	6,112
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	245	482	183	173
Phải trả người bán ngắn hạn	1,419	2,642	1,587	1,713	1,452
Nợ dài hạn	350	345	465	470	720
Vay và nợ thuê dài hạn	170	169	169	169	168
Nguồn vốn chủ sở hữu	26,222	24,437	25,606	22,874	24,503
Vốn chủ sở hữu	26,222	24,437	25,606	22,874	24,503
Vốn điều lệ	12,826	12,826	12,826	12,826	12,826
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)